TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2017.
V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sinh Chi.

2. Ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST - HNGĐ ngày 23/11/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trường D, sinh năm: 1979

ĐKHKTT: Phố C, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Tổ 07, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Anh P, sinh năm: 1987

ĐKHKTT: Tổ 23, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Tổ 04, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Anh D và chị P vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2017, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn: Anh Nguyễn Trường D trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Anh và chị Lê Thị Anh P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, quận B, thành phố Hà Nội ngày 17/8/2010. Trước khi kết hôn anh chị đã chung sống với nhau từ năm 2004, trong quá trình chung sống và sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ đầu năm 2015 thì vợ chồng ly thân, chị P bỏ về nhà bố đẻ sinh sống (tại địa chỉ số nhà tổ 04, phường Đ, thành phố T) cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Lê Thị Anh P.

Về con chung: Anh và chị P có một con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/01/2004, con ở cùng anh từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con. Hiện nay anh đang làm nghề kinh doanh bất động sản, thu nhập bình quân hằng tháng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng (anh kinh doanh tự thu chi). Anh đang ở cùng bố mẹ đẻ, nhà cửa rộng rãi, sạch sẽ. Anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con.

Về tài sản chung: Anh và chị P không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Ông Nguyễn Văn Mỵ – Tổ trưởng tổ dân phố số 04, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp nội dung sau:

Chị Lê Thị Anh P là con gái ông Lê Ngọc K, sinh năm 1964, hiện đang cư trú tại tổ 04, phường Đ, thành phố T. Đến năm 2015 chị P một mình về sinh sống tại đây cùng bố đẻ là ông Lê Ngọc K. Mâu thuẫn giữa anh D và chị P ông không nắm được vì không thấy ai báo cáo gì. Anh D và chị P có một con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/01/2004 hiện đang ở cùng anh D. Nếu anh D và chị P ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng vì chị P không có việc làm, không có thu nhập nên không đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản chung của anh D và chị P thì ông không nắm được.

*) Bà Trần Thị Liên, sinh năm 1955, trú tại số nhà 16, ngõ 224, phố Lý Thường Kiệt, tổ 7, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Trường Duy) cung cấp nội dung như sau:

Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống giữa anh D và chị P đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế. Gia đình bà đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến đầu năm 2015 thì anh D và chị P ly thân nhau, anh D về nhà bà sinh sống, còn chị P về nhà bố đẻ sinh sống. Việc anh D và chị P đoàn tụ hay ly hôn là do hai người quyết định. Bà đề nghị Tòa án giao con chung của anh D và chị P là cháu Nguyễn Phương A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng khi hai người ly hôn, bà và gia đình sẽ hỗ trợ anh D trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con.

*) Ông Lê Ngọc K, sinh năm 1964, trú tại tổ 04, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình (là bố đẻ của chị Lê Thị Anh P) cung cấp nội dung sau:

Ông là bố đẻ của chị Lê Thị Anh P, sinh năm 1987, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 23, phường Đ, thành phố T, sau đó chuyển về sinh sống cùng ông tại địa chỉ trên. Hiện nay chị P đang đi học nghề, chị P chưa chuyển khẩu đi nơi khác mà vẫn sinh sống cùng ông, khoảng nửa tháng chị P về nhà một lần. Chị P đã biết việc anh D xin ly hôn chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc anh D và chị P đoàn tụ hay ly hôn và việc ai là người trực tiếp nuôi dưỡng con là do hai người quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ giấy tờ, tài liệu của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án gửi cho chị P ông đã nhận được và đã chuyển cho chị P đầy đủ. Mọi giấy tờ, tài liệu tiếp theo của Tòa án ông đề nghị gửi về địa chỉ ông đang sinh sống, ông cam kết sẽ chuyển trực tiếp cho chị P.

*) Đại diện Công an phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cung cấp nội dung sau:

Chị Lê Thị Anh P, sinh năm 1987, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 23, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, chủ hộ là bà Trần Thị H, sinh năm 1963. Hiện chị P chưa chuyển khẩu đi nơi khác mà đang sinh sống cùng ông Lê Ngọc K tại tổ 04, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hộ đồng xét xử áp dụng: Các điều 147; 203; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trường D được ly hôn chị Lê Thị Anh P.

+ Về con chung: Xử giao con Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/01/2004 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Do chị P chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Anh D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là chị Lê Thị Anh P không trình bày lời khai và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn là anh Nguyễn Trường D có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa anh Nguyễn Trường D và chị Lê Thị Anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trước và sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong xây dựng kinh tế gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến đầu năm 2015 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh D và chị P là có thật và ngày càng trầm trọng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh D được ly hôn chị P là đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Anh D và chị P có một con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/01/2004. Từ khi anh D và chị P ly thân đến nay thì con ở cùng anh D, anh D có đủ điều kiện về thu nhập, về chỗ ở để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Còn chị P hiện đang đi học nghề, không có thu nhập nên không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Do đó, cần xử giao cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Phương A, anh D không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Do chị P chưa có lời khai về tài sản chung của vợ chồng nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Về án phí: Anh D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 147; 203; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trường D được ly hôn chị Lê Thị Anh P.

2. Về con chung: Xử giao con Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/01/2004 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con.

Anh D và chị P có quyền, nghĩa vụchăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Án phí: Anh Nguyễn Trường D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0006568 ngày 25/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự, báo cho các dương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADSTPT;
- UBND phường K, TPT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- UBND phường Đ, TPT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Thái